

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

Góp Nhặt
CHUYỆN ĐẠO
QUYỂN VII (07)

QUANG MINH



TÀI LIỆU SƯ TÂM 2012
hai • không • một • hai

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến trên Website **DAOCAODAL.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ QUANG MINH, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAL.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 20/04/2021

Tâm Nguyên

Website: **tusachCAODAI.wordpress.com**

GÓP NHẬT CHUYỆN ĐẠO

Soạn Giả: **QUANG MINH**

**TÒA THÁNH
NGÀY 20 THÁNG 4 NHUẬN
NHÂM TUẤT (1982)**



Mục Lục

LỜI TỰA	8
GÓP NHẶT CHUYỆN ĐẠO	9
1. Tàn Xuân Khai Bút	9
2. Tám Điều Lầm Lỗi Của Người Tướng	10
3. Thơ Của Ngài Hồ Bảo Đạo Gửi Cho Phối Sư Thượng Cảnh Thanh ..	10
4. Thế Nào Là Hiền Tướng	18
5. Đạo Cao Đài Có Công Gì Với Việt Nam Và Thế Giới	19
6. Tam Giáo Nhứt Lý	23
7. Xương Họa Giữa Chức Sắc Mộ Thi	26
8. Nguyễn Tiếp, Một Danh Giáo Việt Nam	28
9. Hòa Thuận, Thương Yêu, Cứu Khổ	31
10. Nho Giáo Ở Việt Nam	33
11. Phật Với Trời Ai Lớn?	35
12. Tả Quân Lê Văn Duyệt	40
13. Đức Hộ Pháp Giảng Về Cơ Bút	42
14. Vấn Đề Nam Nữ	43
15. Lễ Bốc Mộ Của Ngài Hiến Pháp	46
16. Lời Tiên Tri Của Đức Hộ Pháp Về Cái Chết Của Ngô Đình Diệm ..	47



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

LỜI TỰA

Có những câu chuyện hoặc bằng hành vi, hoặc viết bằng văn xuôi, hoặc bằng văn vần hay Thánh Giáo, nếu không ghi nhận nó bằng bút mực thì nó sẽ vì thời gian mà quên lãng rất ồồng, nên tôi bắt đầu từ nay cố viết nó lại thành một tập để làm tài liệu học Đạo. Lâu lâu xem lại cũng giải khuây trong lúc nhàn rỗi.

Trên bước đường hành Đạo, tôi đã nghe nói hoặc đọc được những gì đáng ghi nhớ tôi sẽ lưu lại cho quý độc giả cùng thưởng thức, có lẽ bổ ích phần nào trên đường tu tiến của chúng ta. Nhứt là những lời vàng tiếng ngọc của Đức Hộ Pháp nó làm kim chỉ nam để chúng ta nhắm cho đúng đường mà lập công bồi đức trao giới tâm hồn hầu làm phương châm thoát tục.

Khởi viết tại Tòa Thánh ngày 16-7-Canh Thân (1980)

QUANG MINH

GÓP NHẬT CHUYỆN ĐẠO

QUYỂN VII

1. TÂN XUÂN KHAI BÚT

DẦU XUÂN BÌNH THÂN (1956) ĐỨC HỘ PHÁP CÓ GỎI CHO CHÚC SẮC CỬU TRÙNG ĐÀI NAM PHÁI MỘT bài thi nói rõ lập trường tranh đấu của Ngài; Ngài dùng sự đồng tâm của con cái Đức Chí Tôn làm sức mạnh để làm cái thế dìu hồn nước. Ngài lấy nhẫn nhục, thọ khổ để giữ Đạo nhà, trị loạn bằng tinh thần cổ truyền của dân tộc tức dùng Nhơn Nghĩa của Nho Giáo làm Bửu Pháp lấy chữ Hòa làm thao lược để dẹp can qua.

Nhờ Hồng Ân của Đức Chí Tôn giúp sức, Ngài đã thành công trong Thiên trách, nên đầu xuân Ngài toại chí với bài khai bút:

THI:

Vẫn gánh non sông đến tuổi già,
Đồng tâm làm mạnh thể tài ba.
Đòi phen kiên nhẫn dìu hồn nước,
Lắm lúc truân chuyên giữ Đạo nhà.
Tín đức cổ truyền trừ giặc loạn,
Nghĩa Nhân pháp hữu dẹp can qua.
Hồng Ân đã sẵn làm thao lược,
Ích nước an dân dụng chữ “Hòa”.

ĐẦU XUÂN BÌNH THÂN
HỘ PHÁP
▪ (Đóng dấu)

2. TÁM ĐIỀU LÂM LỖI CỦA NGƯỜI TƯỚNG

Thiên Quân Tướng nói: Người Tướng mà hay thanh, hay tĩnh, hay bình tĩnh, hay nghiêm chỉnh, hay chịu nghe lời can, hay nghe lời ca tụng, hay nghe người, hay lược lật các lời nói, biết rõ phong tục trong nước, hay vẽ những hình thế núi sông, hay nêu ra những chỗ hiểm nạn, hay chế biến quân quyền, đó là cái Đạo cốt yếu của người làm tướng. Cho nên nói rằng: “*Điều trí là bậc Nhân Hiền, điều lo nghĩ là bậc Thánh Minh, lời nói của người thường kiểm củi hay ở chỗ Long Miếu, các việc hưng suy người Tướng vẫn nên nghe*”. Thường những người làm Tướng nên biết những điều đó. Người Tướng phải nhớ đến quân như khao khát thì mọi người theo về mình.

1. Người Tướng mà không nhận lời can thì những người Anh Hùng ly tán, nghe lời can mà không làm theo thì có Mưu Sĩ làm phản.
2. Điều thiện, điều ác coi như nhau thì Công Thần chán nản.
3. Mình tự trọng mình thì người dưới hay sinh điều lỗi.
4. Mình tự nhúng thì người dưới ít lập công.
5. Tin ở lời gièm pha thì người dưới ly tâm.
6. Tham của thì không ngăn cấm được người gian.
7. Tướng mà lười biếng thì sẽ tốt dâm dật.
8. Tướng mà nghĩ đến nhà thì sĩ tốt có lòng tham lam.

▪ *(Trên đây là ý kiến của Trương Lương nói trong Tam Lược trang 38 của Nguyễn Mạnh Bảo)*

3. THƠ CỦA NGÀI HỒ BẢO ĐẠO

GỬI CHO PHỐI SƯ THƯỢNG CẢNH THANH

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Tòa Thánh – Tây Ninh

Văn Phòng Chương Quảng HTĐ

Số: 107/Q. CQHĐTĐ

Q. Chương Quản Hiệp Thiên Đài

Kính gửi: Hiền Hữu Phối Sư Thượng Cảnh Thanh
nguyên Phó Trưởng Ban Đạo Sử

Kính Hiền Hữu,

Tôi có tiếp đặng văn thơ số 22/ĐS ngày 11 tháng 9
Mậu Ngũ (dl 12-10-1978) của Hiền Hữu trong đó Hiền
Hữu cho biết rằng Hiền Hữu có tiếp đặng Đạo Lệnh số
11/ĐL ngày 29-8- Mậu Ngũ (dl 10-9-1978) 10 ngày sau
ngày ký tên và sau 4 ngày văn thơ số 16/ĐS ngày 3-9-Mậu
Ngũ của Hiền Hữu gửi cho tôi. Trong văn thơ số 22/
ĐS kể trên Hiền Hữu có ý trách thiện rằng tôi đặt Hiền
Hữu và Chức Sắc Cửu Trùng Đài hành sự nơi Ban Đạo
Sử trước sự đã rồi.

Hiền Hữu nghĩ như vậy là sai vì mặc dù Hiền Hữu
hành sự nơi Ban Đạo Sử là một cơ quan trực thuộc Hiệp
Thiên Đài, nhưng nên nhớ rằng Hiền Hữu là Chức Sắc
hữu thế Cửu Trùng Đài thì lúc nào Hiền Hữu cũng phải
chịu dưới quyền trực thuộc của Cửu Trùng Đài về việc
nội bộ của Cửu Trùng Đài.

Hiền Hữu đã nhận được Đạo Lệnh số 11/ĐL thì chắc
Hiền Hữu đủ thấy rõ trong đó có nói rõ lý do rồi chớ, có
gì mờ ám đâu mà Hiền Hữu cho rằng Hiền Hữu không
rõ nguyên do.

Nếu Hiền Hữu không hiểu thì tôi xin nói rõ thêm

rằng Hiền Hữu là Chức Sắc Cửu Trùng Đài được tạm cho Hiệp Thiên Đài sử dụng, nay có thơ của nhị vị Dấu Sư yêu cầu giao trả Chức Sắc Cửu Trùng Đài trở về hành sự nơi Cửu Trùng Đài, còn Ban Đạo Sử là cơ quan đặc biệt của Hiệp Thiên Đài thì do Hiệp Thiên Đài chọn người bổ dụng.

Như vậy thì có gì lạ đâu mà Hiền Hữu không rõ nguyên do. Đã vậy việc này cũng đã có tiền lệ trước khi tôi lãnh phận sự Q. Chương Quản Hiệp Thiên Đài như trường hợp chư vị Giáo Sư Tám ở văn phòng C.Q. HTĐ và Giáo Sư Tư và Còn ở văn phòng Hiến Đạo đã được trả về Cửu Trùng Đài bổ dụng phận sự khác, chớ Chức Sắc Cửu Trùng Đài tạm bổ dụng qua Hiệp Thiên Đài đâu phải biến thành người của Hiệp Thiên Đài và ở mãi bên Hiệp Thiên Đài luôn đến chết hay sao.

Ngoài ra tôi thấy trong văn thơ Hiền Hữu gửi tôi tường số 20/ĐS của Hiền Hữu có nói, Ban Đạo Sử được thành lập bởi Hội Thánh Lương Đài dưới quyền chủ tọa danh dự của Đức Thượng Sanh do vi bằng số 02/VB ngày 20-10-Mậu Thân (16-11-1968) là một điều Hiền Hữu coi không rõ vi bằng này rồi hiểu lầm đó thôi.

Thật ra sự soạn thảo Đạo Sử ĐĐTKPĐ do Đạo Linh số 32/ĐL ngày 14-8-Nhâm Dần (12-9-1962) của Hội Thánh Hiệp Thiên Đài do Đức Thượng Sanh và chư Thời Quân ấn ký, giao phó cho nhị vị Thời Quân Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài đảm trách. Về sau Ngài Hiến Pháp còn lãnh chức vụ Chương Quản Bộ Pháp Chánh.

Vì quá đa đoan phận sự Ngài Hiến Pháp có văn thơ số 14/KĐ ngày 21-4-Mậu Thân (17-5-1968) xin Đức Thượng Sanh cho phép mở rộng phòng Đạo Sử bằng

cách xin bổ dụng thêm Chức Sắc Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài và Phước Thiện cho có đủ người làm việc, được Đức Thượng Sanh chấp thuận cho văn thơ số 312 ngày 11-5-Mậu Thân (6-6-1968) về nguyên tắc.

Do đó Ngài Hiến Pháp mới gửi văn thơ số 2/RS ngày 8-6-Mậu Thân (3-7-1968) cho Hội Thánh Cửu Trùng Đài xin bổ một số Chức Sắc Cửu Trùng Đài qua giúp Ban Đạo Sử, trong đó có đề cập đến cá nhân Hiền Hữu, buổi đó đang có phận sự trong ban sưu tầm sử liệu ở Cửu Trùng Đài.

Được Hội Thánh Cửu Trùng Đài chấp thuận nên Ngài Hiến Pháp mới triệu tập phiên Đại Hội Ban Đạo Sử để bàn Ban Chấp Hành Trung Ương tại nhà Hội Vạn Linh. Bảng vi bằng số 02/VB ngày 26-10-Mậu Thân (15-12-1968) của Hiền Hữu nêu trên mà Hiền Hữu cho là phiên Đại Hội của Hội Thánh Lương Đài để thành lập Ban Đạo Sử chỉ là phiên đại hội của Ban Đạo Sử để bầu cử Ban Chấp Hành Trung Ương mà thôi. Đức Thượng Sanh và chức vị Chức Sắc Lương Đài được Ngài Hiến Pháp mời đến danh dự chứng sự cho thêm phần long trọng buổi hội riêng của Ban Đạo Sử mà thôi, chớ thật sự thì Ban Đạo Sử này đã thành lập từ năm 1962 đến 1968 mới có cử Ban Chấp Hành Trung Ương.

Dầu sao, nếu Ban Đạo Sử đã được Hội Thánh Lương Đài thành lập đi nữa những Chức Sắc Hiệp Thiên Đài hay Cửu Trùng Đài hoặc Phước Thiện được bổ dụng hành sự nơi Ban này cũng không có tánh cách miên viễn và cũng do nhu cầu Đạo sự của Đài mình mà thay đổi như ở các cơ quan khác vậy.

Như thế việc giao hồi Chức Sắc Cửu Trùng Đài nơi

Ban Đạo Sử về nguyên Đài do lời yêu cầu nhị vị Đầu Sư hiện cầm quyền lãnh Đạo Cửu Trùng Đài là lẽ dĩ nhiên, không có gì khó hiểu. Còn việc Đạo Linh của tôi gửi cho Hiền Hữu chậm mấy ngày là vì Đạo Linh nầy phải gửi trước qua hệ thống Cửu Trùng Đài giải quyết việc nội bộ của mình. Như vậy thì quá rõ ràng không còn gì thắc mắc nữa.

Về đoạn sau văn thơ số 22/ĐS nêu trên của Hiền Hữu thì Hiền Hữu còn đề cập đến quyền hành của Đầu Sư. Việc nầy tôi giải thích rất rành mạch trong văn thơ số 80/Q. CQHĐTĐ ngày 21-6-Mậu Ngũ (25-7-1978) của tôi gửi cho Hiền Hữu, không lẽ Hiền Hữu còn thắc mắc gì mà phải nhắc đi nhắc lại với tánh cách gây mâu thuẫn giữa Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài cho rằng: “Ngọc Đầu Sư rõ ràng nắm trọn quyền của Giáo Tông trong tay, đương nhiên tước hết cả quyền của Hiệp Thiên Đài”, và Hiền Hữu lại còn nói rằng: “Đại Huynh Ngọc Đầu Sư muốn tay Hiệp Thiên Đài đuổi chúng tôi cho hợp pháp”.

Hiền Hữu thốt ra những câu trên, tôi không hiểu Hiền Hữu muốn gây mâu thuẫn chia rẽ giữa Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài hay là có ý định gì. Nếu nói có ý nhắc cho tôi biết quyền hành của tôi thì lẽ dĩ nhiên tôi phải biết hơn ai hết quyền hạn của tôi đến đâu và của Cửu Trùng Đài đến đâu.

Thật ra tôi cũng nhận thấy có nhiều vị Chức Sắc cả Lưỡng Đài hay đánh dấu hỏi, tại sao tôi không hành sự giống như Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Sanh và chư vị Thời Quân trước và nghĩ rằng tôi tự làm mất quyền của Hiệp Thiên Đài.

Chẳng phải vậy đâu? Và nghĩ như vậy là không nắm

vững luật pháp của Đạo đó. Tôi biết rõ..... quyền hạn của Đức Hộ Pháp cũng như Đức Thượng Sanh và Chư Vị Thời Quân tiền bối ra sao và tôi rõ quyền hạn của tôi là như thế nào.

Đức Hộ Pháp nắm quyền Chí Tôn tại thế tức là nắm luôn cả hai quyền Hộ Pháp và Giáo Tông do Đức Lý Giáo Tông ủy giao cho Đức Hộ Pháp. Đúng lý ra là Đức Hộ Pháp giữ quyền đó cho đến khi nào Đức Lý Giáo Tông lấy lại, nhưng trong các Thánh Lệnh của Đức Hộ Pháp luôn luôn có để câu thông là Đức Ngài nắm giữ lưỡng quyền cho đến khi có Đầu Sư chánh vị, tỏ rõ quyền của Đầu Sư thế nào rồi.

Phần của Đức Thượng Sanh và chư vị Thời Quân tiền bối lại khác, vì Đức Thượng Sanh và chư vị Thời Quân được cả Chức Sắc Cửu Trùng Đài đứng tờ thỉnh cầu quý Ngài về cầm giềng mối Đạo, tức là Cửu Trùng Đài đã giao quyền của mình cho Đức Thượng Sanh và chư vị Thời Quân.

Thêm nữa, khi Ngài Hiến Pháp nắm quyền Hiệp Thiên Đài lại được Đức Lý Giáo Tông và Đức Hộ Pháp ban cho quyền truy phong Chức Sắc qui vị.

Đến phiên tôi thì tôi không có các quyền trên và chỉ vồn vẹn nắm quyền Hiệp Thiên Đài mà thôi còn quyền của Cửu Trùng Đài thì có Cửu Trùng Đài nắm giữ. Vì lẽ đó nên tôi không thể xâm phạm qua quyền Cửu Trùng Đài như chư vị tiền bối, chớ tôi đâu có để mất quyền của Hiệp Thiên Đài mà Hiền Hữu phải bận tâm lo dùm cho tôi mất quyền.

Trong đoạn chót văn thơ số 22/ĐS kể trên của Hiền Hữu còn đề cập đến quyền hành của Đầu Sư và ba Chánh

Phối Sư và cho rằng Đẩu Sư lấn quyền 3 chánh Phối Sư và 3 vị này “*bất quá là thùng thơ hay bù nhìn*”.

Điều đó Hiền Hữu nên đọc kỹ văn thơ số 80 của tôi đã chỉ quá rõ ràng và minh bạch về hai quyền này rồi khỏi cần nhắc lại, nhứt là quyền của Đẩu Sư trong khi khiếm khuyết Giáo Tông và Hộ Pháp đặc biệt trong bài Thánh Giáo của Hiền Hữu sao lục gởi đến cho tôi tường của Đức Lý Giáo Tông lúc ân thăng vị Chánh Phối Sư Thượng Sáng Thanh lên quyền Đẩu Sư chớ chưa phải là chánh vị mà Đức Lý đã nói rõ.

Tuy nhiên Hiền Hữu cũng đủ quyền hành như Đẩu Sư Chánh Vị. Từ đây Hiền Hữu trọn quyền điều khiển Cửu Trùng Đài.

Như thế thì từ ngày đó cho đến nay đã có Đẩu Sư Chánh Vị rồi thì Đức Lý Giáo Tông đã ban trọn quyền điều khiển Hội Thánh Cửu Trùng Đài cho Đẩu Sư rồi thì Hiền Hữu còn thắc mắc gì quyền của Đẩu Sư nữa, và chư vị Đẩu Sư chỉ chịu trách nhiệm về sở hành của mình đối với Đức Lý Giáo Tông mà thôi, chớ người ngoài nhắm không phép gó vào sự hành động của Đẩu Sư.

Hiền Hữu đọc lại kỹ đoạn chót bài Thánh Giáo của Bà Lục Nương mà Hiền Hữu đã trích lục gởi cho tôi tường về quyền hành của Đức Quyền Giáo Tông buổi nọ thì nay quyền hành của Đẩu Sư cũng trong tinh thần đó.

Cũng trong đoạn chót văn thơ của Hiền Hữu có nói: “*Hiệp Thiên Đài âm thầm nhận lãnh rồi ra Đạo Lịnh giao hồi tất cả Chức Sắc Cửu Trùng Đài mà không hề cho chúng tôi biết lý do*”.

Chỗ này tỏ ra không lẽ Hiền Hữu lên đến phẩm Phối Sư rồi quên hết bốn phận của một Chức Sắc hiển

thân hữu thệ của Cửu Trùng Đài là phải trọn từng kỹ luật Đạo. Lẽ nào từ khi thọ phẩm Lễ Sanh đến nay lên đến Phối Sư, Hiền Hữu chưa được Hội Thánh truyền chuyển hành sự nhiều nơi khác nhau vì nhu cầu Đạo sự hay sao mà phải thối mắc.

Hơn nữa, Hiền Hữu là một Chức Sắc Cửu Trùng Đài được Hội Thánh Cửu Trùng Đài tạm cho Hiệp Thiên Đài mượn, ngày nay Hội Thánh Cửu Trùng Đài vì nhu cầu Đạo sự yêu cầu giao trả thì Hiệp Thiên Đài giao trả, chớ có lý do gì để cho họ biết đâu và phải sợ ai đâu mà phải âm thầm nhẹ lánh.

Cuối cùng Hiền Hữu tự ví mình so sánh với các vị ghi chép sử xưa, nhưng Hiền Hữu có biết chư vị đó hành sự cách nào, còn Hiền Hữu hành sự cách nào không?

Các nhà ghi chép sử ngày xưa chỉ ghi một cách khách quan sự việc xảy ra, còn việc phê bình xảy ra đúng hay sai, tốt hay xấu là để cho mọi người từ buổi đương thời cho đến hậu tấn trọn quyền phê phán chớ người ghi chép sử không lấy ý riêng mình mà phê phán vì mặc cảm cá nhân.

Lẽ ra đó là bốn phạm của Hiền Hữu thì ngày lãnh phạm sự ở Ban Đạo Sử hồi năm 1968 đến nay là 10 năm, không biết Hiền Hữu có làm tròn bốn phạm ghi chép một cách khách quan và trung thực những việc xảy ra từng giai đoạn thẳng trảm trong cửa Đạo về đại thể và không có tánh cách mặc cảm cá nhân hay không?

KẾT LUẬN:

Thật ra đây chỉ là một việc truyền chuyển rất thường tình trong cửa Đạo từ trước đến giờ, không có gì đáng phải bận tâm mà tôi phải mất ngày giờ hồi đáp với một

bức thư dài dòng như vậy.

Nhưng nhận thấy Hiền Hữu quá nặng nề mặc cảm, nên chịu khó giải thích một lần chót nầy cho rõ ràng, ước mong Hiền Hữu nên bình tĩnh nhận định mọi sự việc để lo tròn bốn phận là hơn, chớ đừng vì để mất bình tĩnh mà thốt ra những lời lẽ có phần khiếm nhã nếu không nói là thất lễ với thượng cấp như Hiền Hữu dùng với tôi trong văn thơ kể trên rồi phải ân hận về sau.

Nay kính

Tòa Thánh, ngày 19-9-Mậu Ngũ (20-10-1978)

BẢO ĐẠO HỒ TẤN KHOA

(Ký tên và đóng dấu)

4. THẾ NÀO LÀ HIỀN TƯỚNG

Binh Pháp Tôn Tử có nói: “*Bất chiến nhi khuất nhân chi binh, thiện chi thiện giả dã*”.

(Không đánh mà khuất phục được địch đó là Hiền Tướng thật giỏi vậy).

Không đánh mà địch tự khuất phục đó là lấy mưu kế mà đánh vậy.

Ngày xưa Hàn Tín dùng kế của Lý Tử Xa, chỉ dùng có một phong thư, không cần phải đánh nhau mà hạ được thành nước Yên.

Vương Triết nói rằng: “*Về binh bị quý ở chỗ đánh bằng mưu, không cần phải đánh nhau*”.

Đời Hậu Hán có Vương Bá dẹp Châu Kiến Tô Mậu đã giao chiến xong trở về dinh trại, quân địch lại trở lại khiêu chiến.

Bá ngội yên không ra, cho binh sĩ tốt ca nhạc. Mậu bắn vào thành như mưa mà trong dinh thì Bá vẫn uống rượu, an tọa không động. Tùy tướng dưới trướng thưa rằng: “Mậu đã bị ta phá nay dễ đánh”.

Bá nói rằng: “Không được, Mậu là binh địch ở xa lại, lương thực không đủ, cho nên khiêu chiến có vẻ ngạo mạn được trong nhứt thời. Nay ta đóng cửa thành cho quân sĩ nghỉ ngơi, nghĩa là không đánh mà khuất phục được quân địch, đó là người Hiền giỏi cầm binh vậy”.

Quả nhiên, sau Mậu phải dẫn quân lui đi.

Quân Dự nói rằng: “Xét rõ thường phạt làm cho tin hiệu lệnh, khí giới hoàn toàn đầy đủ, sĩ tốt được tập luyện thật mạnh về môn sở trường của mình thì địch quân có nghe phong phanh cũng đủ sợ, thì thật là vị tướng tài.

Như xưa Ngô Vương hội Chu Hầu ở Hoàng Trì, nước Tấn chỉ sợ Ngô có binh pháp và rất phục là cố ấy vậy.”

Cho nên trong Binh Pháp Tôn Tử nói: “Phạt địch bằng mưu là thượng sách”.

- (Trích trang 44 Quyển Tam Lược của Ông Nguyễn Mạnh Bảo).

5. ĐẠO CAO ĐÀI CÓ CÔNG GÌ VỚI VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI

Dân tộc Ấn Độ hãnh diện với Thế Giới nhờ Phật Giáo khai sáng ở Tây Thiên Trước. Người Trung Hoa hãnh diện với thế giới nhờ Nho Giáo và Lão Giáo sản xuất tại Tàu. Người Nhật Bản hãnh diện với thế giới nhờ Thần Giáo khai sáng tại Phù Tang. Người Do Thái Giáo hãnh diện với thế giới nhờ Thiên Chúa Giáo sản xuất tại xứ Hébreux. Người Việt Nam hãnh diện với thế giới nhờ Cao Đài khai sáng tại Tây Ninh của giống con

Hồng cháu Lạc.

Như thế Đạo Cao Đài đã có công với dân tộc Việt Nam rồi đó vậy.

Bây giờ chúng ta đi sâu vào sự lợi ích của nền tôn Giáo mới ấy, nó cải tạo xã hội Việt Nam như thế nào? Thế gian từ nó khai sáng (1926) đến nay (1982) nó có những điểm vàng son nào mà dân tộc không phủ nhận công lao của nó được?

1)- Chống ách thống trị của Pháp đi đến ngày thành công 9-3-1945 làm cho nước nhà được độc lập. Còn về việc tranh lãnh Đạo của phe Quân Chủ, Dân Chủ, Xã Hội, Cộng Sản, Quốc Dân Đảng v.v... là việc nội bộ không đáng kể.

2)- Đem tinh thần dân tộc bất khuất của tiền nhân đã có 4.000 năm văn hiến trở lại địa vị chủ động của nó, sau 80 năm Pháp thuộc.

3)- Dung hòa các tín ngưỡng cổ hữu của dân tộc đã sẵn có là Nho, Thích, Đạo từ ngàn xưa thống nhất lại làm một khối bất khả phân. Thêm vào sự trùng tu miếu võ của Thần Đạo, đề cao gương hy sinh vì Tổ Quốc làm Thánh Tử Đạo, nên mới có những anh hùng Trình Minh Thế, Nguyễn Văn Út, Phan Hồng Ngự, Phạm Ngọc Trấn, Trịnh Phong Cương, Phạm Duy Nhung, Ngọc Liên Thanh, Trần Tấn Hợi, Phan Hữu Phước v.v...

Ngược dòng lịch sử, các nhà ái quốc Việt Nam như các cụ Dương Bá Trạc, Phan Châu Trinh, Cường Để... đã vất vả tổ chức các cuộc vận động vẫy vùng mà giải chằng đặng ách lệ thuộc. Mười ba anh hùng Yên Bái do Nguyễn Thái Học lãnh Đạo cũng phải lên đoạn đầu đài và Quốc Dân Đảng Việt Nam tan rã lần lần, mất hết

thực lực tranh đấu. Đảng Cách Mạng Đồng Minh Hội của Nguyễn Hải Triều, Nguyễn Tường Tam giằng co với Pháp có phần yếu thế chớ chưa đoạt mục đích mong muốn của dân tộc. Cụ Hồ Chí Minh nắm trong tay Mặt Trận Việt Minh Phục Quốc Đồng Minh Hội lãnh Đạo thế nào rồi khi tuyên bố thắng Pháp tại Điện Biên Phủ lại phải chia đôi đất nước từ vĩ tuyến 17 cho Pháp nữa nước Việt Nam.

Đức Hộ Pháp sau 5 năm 2 tháng bị lưu đày vì Tổ Quốc ở Madagascar, năm 1946 phải trở về nước vận động đem Bảo Đại trở lại địa vị Quốc Trưởng, đại diện dân tộc Việt Nam từ Nam chí Bắc ký với Cao Ủy Pháp Ballaert hiệp ước Hạ Long. Từ đó Việt Nam hoàn toàn thống nhất độc lập.

Bảo Đại đem Ngô Đình Diệm về làm Thủ Tướng. Vì tham vọng, Ngô Đình Diệm theo Mỹ lật Bảo Đại để làm Tổng Thống Miền Nam. Vì gia đình trị nên Diệm bị lật đổ, Hội Đồng Lãnh Đạo Quốc Gia lên thay thế đem Phan Khắc Sửu lên Quốc Trưởng. Trí thức Việt Nam mới vợ được cái phao thì Nguyễn Văn Thiệu lật Phan Khắc Sửu để làm Tổng Thống thân Mỹ. Vì tình hình kinh tế nội bộ, Mỹ cúp viện trợ nên Thiệu đổ, bỏ Miền Nam cho Cộng Sản tự do chiếm như vào nhà bỏ hoang.

Kết luận: Ai đã làm nên cho dân tộc?

Ai đã làm cho dân điều linh khổ sở, điều ấy quốc dân sẽ định.

Trở về mặt Tôn Giáo, mặc dầu Đạo Cao Đài có nhiều thay đổi sau 30-4-1975 nhưng tôn Giáo được nhìn nhận bởi nghị quyết 297/NQ của Hội Đồng Chánh Phủ XHCN. Không ai có quyền cấm đoán được. Cái tinh túy của nó

vẫn còn đó. Công của nó quốc dân Việt Nam không phủ nhận đặng. Nhiệm vụ Quốc Tế của nó chậm hay mau là tùy ở quyền năng Thiêng Liêng quyết định. Chí Tôn đã nói:

**“Quốc Đạo Kim Triều thành Đại Đạo,
Nho Phong thử nhứt biến nhơn phong”.**

Nó sẽ là Đạo cốt cán của nước nhà, của giống Lạc Hồng. Cái gương nhơn nghĩa, công bằng, bác ái của nó sẽ làm khuôn mẫu cho Quốc Tế đồ theo. Chủ hướng đại đồng huynh đệ của nó sẽ được hai khối lớn trên thế giới thực hiện.

Ngày 21-8-1982 vừa qua Liên Xô đã kêu gọi Hòa Bình Thế Giới và ra lệnh cho các nước XHCN anh em trên thế giới hưởng ứng, phản đối chiến tranh buộc Mỹ phải giải binh và cấm sử dụng vũ khí hạt nhân có thể tiêu diệt loài người trên thế giới một cách ác liệt.

Có lẽ giải pháp Hòa Bình Chung Sống của Đạo Cao Đài sẽ có cơ hội thi thố hầu đem 2 khối đến thỏa thuận, chấp nhận “*Nhơn Đạo*” là tình thương yêu và luật công bình. Nếu 2 khối không thỏa thuận được thì chiến tranh thứ 3 không thể tránh khỏi. Mà hễ 2 khối choảng nhau thì lôi theo chết chóc, đổ vỡ không chừa một nước nào, một dân tộc nào. Nếu:

*“Nhân vật mười phần hao tám, chín,
Thần Tiên thấy vậy cũng chầu mày.”*

Đạo cứu đời như thế nào?

Nguyện cầu Thượng Đế đoái thương nhơn loại, mỗi bên đều nghĩ tới cái tai hại của chiến tranh mà giác ngộ, mà ngồi lại nghiên cứu giải pháp “*Hòa Giải*” của Đức Giáo Chủ Cao Đài, trên có Phật Trời hộ trì, dưới

có lòng dân hưởng ứng, có lẽ cả thế giới tránh đặng họa diệt vong chăng?

Rất mong thay!!!

6. TAM GIÁO NHỨT LÝ

Nho Giáo sở dĩ có một mãnh lực mà biến thiên và phát đạt như thế là bởi có cái học “*phi phi ẩn*” rộng mà sâu, thiết thực mà huyền bí và bao giờ cũng theo Đạo trung dung, nghĩa là các tư tưởng lên chỗ cực cao xa mà sự hành vi thì vẫn giữ có chừng mực, không thiên lệch về một bên nào, khiến sự nhân sinh của các hạng người đều được chỗ an vui.

Ta nên nhớ rằng: cái nghĩa chữ trung dung của Nho Giáo là cốt giữ cái chừng mực vừa phải mà vẫn có cái nghị lực rất mạnh chớ không phải trung dung là ủy mị giả trá như cách hành động của bọn hương nguyện. Vậy muốn biết cho rõ cái học thuật của Nho Giáo thì phải xét cả phương diện triết lý và phương diện kinh tế.

Về phương diện triết lý thì Nho với Lão và Phật Giáo có cái tư tưởng đại đồng tiểu vị. Căn do bởi học thuyết ấy đều theo một cái lý đơn nhất và theo một chủ nghĩa thiên đại vạn vật nhất thể. Vạn vật đều bởi cái lý đơn nhất tuyệt đối mà ra. Lý đơn nhất ấy gọi là:

THÁI CỰC, là Đạo, là Trời, là Tâm.

Muốn đặt ra tên gì mà gọi cũng được, nhưng chung qui vẫn là một. Lý ấy phát ra bằng hai cái tương đối gọi là ÂM DƯƠNG, Âm Dương điều hòa với nhau mà sinh ra vạn vật. Vạn vật bầm thụ cái lý ấy, cái khí ấy cho nên mới có cái chiêu minh linh giác mà biết có người, có ta,

có vũ trụ.

Cái chiêu minh linh giác ấy với cái chiêu minh linh giác của Thái Cực là đồng một thể, cho nên Nho Giáo nói “*Nhứt vĩ quán chi*”, Đạo nói “*nhất nhi di hỷ*” đều là một nghĩa ấy cả.

Lão học cũng nói thế, Thiền học cũng nói thế. Bởi vậy ta dám nói quyết rằng: Nho, Lão và Phật cũng đồng một gốc cả.

Xem như Khổng Tử gặp Lão Tử chỉ khen là “*kỳ do long gia*” chớ chưa hề có lời chê bai phỉ báng vì bởi Khổng và Lão cùng hiểu một lý như nhau, cùng theo một cái học hình nhi thượng.

Cái học hình nhi thượng của Nho Giáo chỉ có Tống Nho mới thật hiểu tới, cho nên nói rằng: “*Tống Nho nối được cái Đạo Thống của Khổng Mạnh*” không phải là lời nói quá đáng vậy. Về sau Thánh Nho có người cho Tống Nho là một thứ “*học Nho Liễu Phật Lý*” thật là không hiểu cái phần hình như thượng học của Nho Giáo.

Nho, Lão, Phật tương đồng với nhau ở chỗ hình như tướng học mà tương vị với nhau ở chỗ hình nhi hạ học. Phật học tuy phát tích ra ở xứ Ấn Độ, nhưng cái tư tưởng của phái Đại Thừa không khác gì Lão Học là mấy. Còn như Nho với Lão cùng đều đồng phát sinh ra ở nước Tàu.

Song Lão cứ đứng ở trong cái phạm vi hình nhi thượng mà quan sát thế sự, nào vạn tượng là ảo ảnh, không cần phải lao tâm khổ tứ, chỉ vụ lấy sự thanh tịnh vô vi để cùng vui thú với cuộc biến đổi tự nhiên của tạo hóa mà ngao du cho thỏa cái tâm ý của mình, chứ không thiết đến việc đời. Bởi vậy mới thành ra cái chủ nghĩa

yếm thế và cái thuật tu luyện của bọn Đạo Sĩ.

Nho thì cho vạn vật đã sanh ra là phải theo cái Đạo tự nhiên mà hành động, ai cũng phải xem cái sở tri, cái sở năng của mình mà làm sự ích cho dân chúng, lấy việc thiên hạ quốc gia làm cái ý nghĩa vụ của mình. Bởi vậy cho nên Nho Giáo rất chú trọng ở phần hình nhi hạ, mà thành ra cái học rất quan thiết đến việc Giáo dục và việc chánh trị gọi chung là việc kinh tế.

.....

Nho giáo sở dĩ chú trọng đến người làm vua là bởi vận mạng của nước thịnh hay suy quan hệ ở những người ấy. Những người ấy mà không có Giáo dục, không biết nhơn nghĩa lễ trí thì thành ra một bọn đạo tặc dùng cái cơ thuật gian trá để làm hại thiên hạ, chớ không phải riêng gì của ai, kẻ đạo tặc chiếm giữ lấy làm của riêng mình mà không nghĩ đến sự lợi hại của thiên hạ thì thiên hạ có cái quyền được trừ bỏ đi như một đứa độc phu.

Vậy cái uy quyền chánh đáng của những bậc nhân quân là do ở sự chịu mạng Trời mà giữ cái hạnh phúc cho muôn dân. Khi nào kẻ nhân quân không làm được cái chức vụ ấy nữa là cái mạng Trời hết rồi, dầu có lấy thế lực mà áp chế thì cũng chỉ là cái thế lực của kẻ đạo tặc mà thôi. Cho nên Nho Giáo vẫn cho kẻ nhân giả được điếu dân phạt tội. Bởi thế Mạnh Tử nói rằng: “*Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*”. Cũng vì thế mà Khổng Tử “*Tổ thuật Nghiêu Thuấn, hiến chương Văn Võ*” là có ý tôn quý những Đấng Thánh quân hiền chúa đã biết lấy Đạo chí công mà trị thiên hạ, chớ không lấy thiên hạ mà làm riêng của mình.

- (Trích Nho Giáo Quyền Hạ trang 385 của Trần Trọng Kim)

7. XƯỚNG HỌA GIỮA CHỨC SẮC MỘ THI

Ông Giáo Hữu Ngọc Chúc Thanh, Phụ Thống Học Viện có làm 2 bài thi yêu cầu Chúc Sắc họa để giải khuây. Dưới đây là 2 bài xướng:

I. Tự Thuật Cảnh Trời Chiều

*Hạ mãn Thu sang gió hắc hiu,
Chợt nhìn thế sự quá buồn thiu.
Non xưa còn đợi nền quân chủ,
Cảnh cũ luống trông lập Quốc Triều.
Dạ dóc gieo nhân, thân lữ thú,
Lòng mong rãi nghĩa phải tùy chiều.
Trời hay, đất biết, người toa nhi,
Há lẽ để đây chịu khúc khiêu.*

II. Đêm Khuya Vẩn Vẻ, Nào Nuột Canh Trường

*Đêm trường âm đạm lặng như tờ,
Dưới bóng đèn chong dạ ngẩn ngơ.
Dựa truyện sục sùi, lòng đứt đoạn,
Bên mànng rối rắm, ruột vò tơ.
Gió chiều mặt nước hôn mơ mộng,
Mây sớm chơn trời trí vẫn vơ.
Muôn mối sầu tây nào kẻ biết?
Biết chẳng, chỉ có ánh Trăng mờ.*

15-8-1950

GIÁO HỮU NGỌC CHÚC THANH

Và đây là bức thơ của ông Thừa Sứ Phan Hữu Phước sau khi tiếp đặng hai bài thi trên đã viết:

Kính ông Giáo Hữu Ngọc Chúc Thanh, tiếp được 2 bài thi của ông gửi tặng, sau khi xem qua, nhận thấy tứ thi dồi dào nhưng đượm vẻ ưu tư và có ý trách đời

có phải?

Thôi! Đời là bể khổ, kiếp sanh mấy chốc, vạn sự tang thương, ta cũng không nên quá bận lòng. Vui đi!

Cười...

Giúp vui tôi chỉ có ít vần hòa nguyên vận 2 bài thi của ông, xin kính tặng:

*Ác tà bóng nhợt cảnh buồn hiu,
Khí nhiệt hơi còn nóng tợ thiêu.
Ve Hạ mới mòn sâu cổ sự,
Lá ngô lá tả nào kim triều.
Gió vàng thanh thoảng thi nghìn tứ,
Trăng bạc long lanh bóng một chiều.
Cửa Thánh non Thần chi để bạn,
Đường trần vẫn hảnh lẫm nghê khiêu.*

*Chong ngọn đèn khuya cảnh lặng tờ,
Chạnh lòng thế sự, dạ nào ngờ.
Trà bôi thấm giọng say mùi Đạo,
Cầm nguyệt so dây thoảng tiếng tơ.
Gợi nhớ nguyên căn nơi cõi tịnh,
Khiêu sâu hiện kiếp nẻo trần dơ.
Một lòng ước nguyện châu Kim Khuyết,
Chi nại vắng Trăng lúc tỏ mờ.*

▪ *Viết tại Tòa Thánh Tây Ninh ngày đầu Thu.*

PHAN HỮU PHƯỚC

Ông Thừa Sứ Nguyễn Hược Hải cũng có 2 bài họa như sau:

*Tam ý đình tiền đợi gió hiu,
Tiết Thu đưa đến nóng đường thiêu.*

Ác vàng dấu bóng sau sơn đảnh,
Thỏ bạc đưa gương mặt thủy triều.
Dựa cụm lao xao bấy vạc tối,
Trên cành inh ỏi tiếng chim chiều.
Súc tình nên hỏi Hằng Nga chị,
Nào khúc Nghê Thường vũ nữ khiêu.

Xót nước giọng quyên khó lặng tờ,
Hướng người trí dũng dễ đành ngờ.
Tang thương thấy cảnh lòng tê tái,
Loạn lạc nghìn dâu dạ rối tơ.
Săn cá xỏ râu nhiều kẻ nắm,
Đem gào tác nước ít ai vợ.
Trường đời đà xóa điều nhưn nghĩa,
Mình có sáng soi cũng giả mờ.

- Tòa Thánh ngày 6-7-Canh Dần
- (19-8-1950)

THỪA SỬ NGUYỄN HƯỢT HẢI

8. NGUYỄN TIẾP, MỘT DANH GIÁO VIỆT NAM

Nguyễn Tiếp tự Khắc Chuyên, hiệu là Nguyệt Ưc, biệt hiệu là Hạnh Am. Bởi vì ông làm nhà ở Lục Niên Thành, thuộc huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay cho nên người đời thường gọi ông là Lục Niên Tiên Sinh hay là La Sơn Phu Tử. Hiện nay có bộ La Sơn Tiên Sinh thi tập truyền ở đời.

Ông theo cái học của Trình Chu và rất chăm học sách Tính Lý, Tứ Thư, Ngũ Kinh Đại Toàn. Ông làm bài Hạnh Am Ký, có đoạn nói rằng: “Cái Đạo học của Thánh

nhơn thì đã có sách của Liêm Khê, Minh Đạo, Y xuyên, Hoàn Cừ, Khang Tiết và Chu Văn Công, bác văn ước lễ không thiếu điều gì nữa. Người sinh ra sau những bậc ấy chỉ lo cái Đạo không thi hành ra, chớ không lo cái Đạo không sáng. Kẻ có chí nên nhớ ngẫm mà thể nhận cái thực là đủ, cần gì phải nói nhiều”.

Ông đọc sách Tính Lý Đại Toàn rồi làm mấy bài thơ, có những câu:

*“Kinh tàn Thánh viễn học mong mong,
“Thiên cổ Trình Chu đắc chính tông.*

Hay là:

*Thủ lý tông lai cụ thủ thân,
Ngô nho ưu học bất ưu bản.
Nghĩa tôn đỉnh hoạch hư vô vật,
Đạo khuất lân truyền dã khả nhân.*

Xem ý những câu thơ ấy thì biết cái học của ông rõ đặc ở cái học Trình Chu và đã có cái công hàm dưỡng rất sâu trong Nho Giáo vậy.

Đến đời Cảnh Hưng, đời Hậu Lê, Tướng Tây Sơn là Nguyễn Huệ, lúc ra đánh Bắc Hà, nghe tiếng ông sai người đem lễ vật đến mời ông ra giúp, ông nhứt định không lấy lễ và không ra. Nguyễn Huệ rất lấy làm tôn trọng và thường cho người đem thư từ đi lại cố mời ông ra giúp việc nước. Ông lấy lễ già yếu mà từ chối. Mỗi khi Nguyễn Huệ đem vàng bạc cho ông ông đều trả lại hết, không nhận chút gì. Đến khi Nguyễn Huệ lên làm vua niên hiệu là Quang Trung lại sai quan đến đón ông mấy lần ông cũng từ chối. Sau ấy có làm bài biểu bàn ba điều: Một là bàn Quân Đức khuyên Vua học sách Thánh Hiền để biết rõ cái Đạo trị nước; Hai là bàn Dân Tâm

khuyên Vua nên dùng nhân chính để yên lòng người; Ba là Học Pháp, khuyên Vua nên mở nhà học, nhà hiệu, lấy tam cương ngũ thường mà giữ thế Đạo và nhân tâm cho bền vững.

Năm sau vua Quang Trung toan dời Đô về Nghệ An và lập nhà Sùng Chính Thư Viện để mời ông ra làm Viện Trưởng, chỉnh đốn việc học Đạo theo qui của Chu Tử. Việc ấy chưa kịp thi hành thì vua Quang Trung mất.

Vua Quang Trung đãi ông rất đặc biệt, lúc nào cũng tôn trọng như Thầy, nhưng ông không vì phú quý mà bỏ danh nghĩa của mình, cứ một niềm từ chối cả của cải và tước vị. Trong những thư từ ông viết cho vua Quang Trung, ông chỉ nói cái tình khổ của dân và xin Vua giảm bớt sưu dịch cho dân nhờ.

Có một điều khá lấy làm lạ là tại làm sao trong những người học Nho ở đất Bắc Hà thuở ấy, vua Quang Trung chỉ tôn trọng có một mình ông và mỗi lúc đón mời ông, ông không đi, cho gì ông cũng không lấy, thế mà Vua không tức giận mà vẫn kính trọng. Hoặc giả là tại lúc ấy những người Nho học có tiếng đều trốn tránh đi hết cả, chỉ có ông cứ nghiêm nhiên ở nhà dạy học, thấy uy quyền mà không sợ, thấy lợi lộc mà không tham, cho nên Vua muốn dùng để thu phục kẻ sĩ trong nước chăng? Dầu thế nào mặc lòng, ở trong một thời loạn như thuở ấy mà ông vẫn giữ được cái danh tiết trong sạch ấy thật là một người chính nhân quân tử, không xấu cái tiếng danh Giáo của nước Việt Nam ta vậy.

- (Trích trang 378 Nho Giáo Quyển Hạ của Trần Trọng Kim)

9. HÒA THUẬN, THƯƠNG YÊU, CỨU KHỔ

Trong sổ lưu niệm của Chánh Trị Sự T.N.T về châu lễ Hội Yến Diêu Trì năm Tân Dậu (1981) Ngài Hồ Bảo Đạo có những dòng như sau:

“Cơ chuyển thế khó khăn kỳ này đã giải thể cả cơ cấu Hành Chánh Đạo, nên phương châm hành Đạo trong buổi này phải đi trong khuôn viên tín ngưỡng tôn Giáo thuần túy đại lược tóm gọn trong 3 điểm chánh là Hòa Thuận, Thương Yêu và Cứu Khổ.

1.– Mấy em đều hiểu rõ khuôn luật thiên nhiên bất di bất dịch là Tương Hiệp ắc Tương Sanh, còn Tương Khắc ắc tự diệt.

Do đó Đức Chí Tôn mới dụng phương pháp Hòa Hiệp âm dương để tạo ra Càn khôn vũ trụ và muôn loài vạn vật.

Áp dụng vào đời sống thật tế của bốn Đạo cũng như của nhơn loại, nếu mấy em hòa thuận nhau, tức mấy em tương hiệp nhau và tạo điều kiện tương sanh cho nền Đại Đạo đặng sớm hồng khai ngày càng tốt đẹp. Còn nếu mấy em bất hòa nhau tức tương khắc nhau thì mấy em tạo điều kiện tự diệt đưa nền Đạo ngày càng suy tàn lụn bại.

Như vậy nếu mấy em bất hòa nhau là có đại tội với Đức Chí Tôn.

2.– Khuôn luật duy nhứt của nền Đại Đạo, tất cả mấy em đều biết “*LUẬT LÀ THƯƠNG YÊU*”. Đức Chí Tôn có dạy phải thương yêu nhau. Nếu chưa thương đặng thì không phép ghét.

Với lẽ đó, người có Đạo Cao Đài chơn chánh luôn

luôn phải là người đại diện của tình thương, tức là đại diện cho Đức háo sanh của Thượng Đế hay là đại diện cho Thượng Đế.

Người Đạo Cao Đài nào mà trong lòng còn chứa đựng lòng ganh ghét hận thù, không còn là đại diện của tình thương, tức là đại diện của Thượng Đế mà trở thành đại diện của Sa Tăng, ác quỷ tự mình lâm lủi vào trong đường quỷ vị.

3.- Cứu Khổ là cứu cánh của sự Hòa Hiệp và tình thương với nếp sống vị tha, thiết hạnh như nghĩa, Đạo đức và từ thiện trong tinh thần Đại Đoàn Kết, tương thân, tương ái, tương trợ, giúp khó trợ nghèo với nhau theo chánh sách của nhà nước là mỗi người vì mọi người và mọi người vì mỗi người.

Nếu mấy em tập dặng một tánh đức hoàn toàn vị tha, giờ phút nào cũng nghĩ đến làm việc lợi ích công cộng, không còn một điểm nào ích kỷ trong tâm để lo cho lợi ích riêng tư của mình thì Qua chắc chắn quả quyết rằng *phàm tâm* của mấy em sẽ tự tiêu tan lúc nào mấy em không hay.

Nếu mấy em cả thầy đều thiết hạnh đúng nửa lời khuyến Giáo của Qua thì Đồi Thánh Đức sẽ đến với mấy em mau lẹ và ngôi vị Thiên Liêng của mấy em sẽ vững chắc.

Bảo Đạo Q. CQHTĐ-29-8-Tân Dậu (15-9-1981)

HỒ TẤN KHOA

(Ký tên đóng dấu)

10. NHO GIÁO Ở VIỆT NAM

Trong những nước đã chịu đã chịu ảnh hưởng văn hóa có Việt Nam ta đối với Tàu có mối liên lạc mật thiết hơn cả, là bởi từ đời Vua Hán Vũ Đế đến đời Ngũ Quý, hơn 1000 năm nước ta từ Nghệ Tĩnh trở ra thuộc vào bản đồ người Tàu. Người mình không những bị cảm hóa lâu đời mà lại phần nhiều là dòng dõi người Tàu sang sanh cơ lập nghiệp ở bên này rồi dần dần thành ra người bản xứ. Bởi vậy Nho học ở nước ta vào quãng cuối đời Đông Hán đã có phần thịnh. Thuở ấy đã có người như Lý Tiên, Lý Cầm và Thượng Trọng đỗ hiếu liêm hoặc mạo tài, được bổ đi làm quan ở bên Tàu.

Qua sang đời Tam Quốc, ở Quận Giao Chỉ có Quan Thái Thú là Sĩ Nhiếp hết lòng mở mang việc học, làm cho Nho học lại thịnh hành hơn trước nữa. Về sau trải qua Lương Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường người mình đều học tập theo Nho, theo Lão và theo Phật như bên Tàu.

Đến đời Ngũ Quý, vào khoản thế kỷ thứ X nước Tàu chia rẽ, thế lực suy tàn, người mình mới nhân cơ hội ấy mà biệt lập thành một nước. Lúc đầu nhà Ngô, nhà Đinh, nhà Tiền Lê còn phải lo việc đánh dẹp cho nên không lưu tâm đến việc học. Kế đến nhà Lý, cơ sở đã vững bền, dần dần nhà vua mới mở mang Nho học, đặt khoa thi lấy nhân tài.

Nho Học ở nước ta từ đó mỗi ngày một thịnh, rồi qua đời Trần, đời Lê thì thật là thịnh vậy.

Trong khoảng Ngô, Đinh, Tiền Lê và sơ dịp nhà Lý, sự học nước Việt Nam ta theo lối học của Nhà Đường. Nho Học, Lão Học và Phật Học đều thịnh cả và nhưt

là Phật Học lại thanh hành ở chỗ nhân gian lắm. Thuở ấy những người có văn học thường là bọn tăng lữ, nhân tụng kinh và học Đạo mà giỏi nghề làm văn. Cũng vì thế cho nên lúc Lý sơ, hễ có sự giao thiệp với nước Tàu thì nhà Vua hay dùng những người tu hành để viết những thư từ. Đến đời Vua Lý Thánh Tông (1034–1072) mới làm văn miếu thờ Chu Công, Khổng Tử và Thất Thập Nhị Hiền. Vua Lý Nhân Tông (1073–1127) mở khoa thi Tam Trường để lấy người văn học làm quan. Lúc ấy có Lê Văn Thịnh đỗ đầu. Vua Nhân Tông lại mở nhà Quốc Tử Giám để đào tạo nhân tài và đặt Hàn Lâm Viện có Nho Giả là Mạc Hiến Tích làm chức Hàn Lâm Học Sĩ.

Đời Nhà Trần, vua Thái Tông (1225–1258) mở khoa thi Tam Giáo nghĩa là thi những người học Nho, học Lão và học Phật. Ai theo cái học nào mà tinh thông Đạo lý thì được cử ra để nhà vua dùng, chớ không chuyên nhứt lấy người Nho học. Vua Trần Thái Tông lại mở khoa thi thái học sinh có lấy Tam Khôi là Trạng Nguyên, Bảng Nhãn và Thám Hoa và đặt Quốc Học Viện để giảng dạy Tứ Thư và Ngũ Kinh. Đến cuối đời nhà Trần, vua Duệ Tông (1374–1377) mở đình thi lấy Tiến Sĩ xuất thân. Vua Thuận Tông (1388–1398) thi Cử Nhân, lệ cứ năm trước thi Hương, năm sau thi Hội rồi vào thi Đình để chọn lấy Tam Khôi. Phép khoa cử đến đời nhà Trần đã rất đủ và đại khái theo phép thi của nhà Nguyên bên Tàu, dùng văn chương mà lấy kẻ sĩ, vậy nên văn học ở nước ta từ đó về sau rất thịnh....

- *(Trích Nho Giáo Quyển Hạ của Trần Trọng Kim, trang 367)*

11. PHẬT VỚI TRỜI AI LỚN?

(Lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp)

Kể từ khi Thái Cực, Lương Nghi, 36 tầng Trời, 9 tầng Cửu Thiên Khai Hóa, Nhứt mạch đặng tinh vi, thập phương chư Phật, vạn chương thể giải, Đại Thiên thể giải, Tam Thiên thể giải, Tứ Đại Bộ Châu, Thất Thập Nhị Địa và chư động phủ Phật, Thánh, Tiên cư ngụ trụ.

Thưa chư Hiền Huynh, Hiền Tỷ, tôi xin nhắc ngày giờ mới khai đàn tại Cần Thơ có mấy vị Đồ Nho hầu đàn xin bạch Thầy như vậy: *“Xin Thầy từ bi giải cho chúng con rõ hình thức của Càn khôn vũ trụ ra sao mà con thường nghe mấy vị Đồ Nho bàn cãi với nhau mỗi mỗi không in một lý. Người thì nói Trời lớn, người thì nói Phật lớn. Còn trong sách “Tam Tự Kinh chú giải” thì Đức Thánh nói: “Tam thập tam thiên”; còn trong kinh Thầy nói: “Thượng Chương tam thập lục thiên” nên phần nhiều bình luận phân phân bất nhất. Con không rõ thế nào là đúng xin Thầy từ bi xá lỗi”*.

Thầy đáp: *Các con có học rộng, nhưng cái rộng còn khuyết điểm muôn phần. Nơi thế gian hữu hình hiện tượng trước mắt mà còn chưa hiểu đặng hướng gì thấu đáo sự vô hình, vì huyền diệu Thiêng Liêng mà người không học Đạo dễ gì hiểu đặng. Những bậc Thánh trước Hiền xưa ra công sưu khảo cùn đời mạc kiếp còn chưa vén nổi cái màn bí mật của Đấng Tạo Hóa đón ngăn, hướng chi người thường nhưn luận bàn sao cho suốt lý.*

Kể từ khi Thầy sai Bàn Cổ xuống thế mở mang địa cầu này, nhưn loại thú đờ còn hình tượng Thiêng Liêng chưa biết mặc áo quần, còn ở nơi hang hố, chưa có nhà cửa văn tự. Từ đó về sau cách mấy mươi năm đến đời

Ngũ Đế, họ Phục Hy, họ thường hết tâm theo quái điều tích (tâm dấu chơn chim) chế ra văn tự để ghi nhớ. Từ đó về sau mới có lịch sử, nên sách Nho có câu: “**Cái cái thiên nhị chi dân sào cự huyết sử nhụ mạo ẩm huyết, Đồng nhi các vĩ kỳ hàng, ẩn cư vĩ thi kỳ thử**”. Nên lúc có văn tự, bất quá nghe truyền, nghe độ chừng rồi chép bướng, hỏi vậy lấy đâu làm bằng cớ.

Ấy là nói sự tích ở thế gian này còn chưa rõ còn luận qua thế giới khác như nhắm mắt mò kim nơi đáy biển, hay bầy kiến tìm đường lên núi Tu Di, thì sự học khuyết của người như mài kiếm dưới bóng trăng, ếch nằm đáy giếng. Cũng có lắm người gọi mình là hay giỏi, dẫn người lạc bước sai đường, thân mình mù quán mà chưa hay còn tài khôn dốt thêm kẻ tối đui thì làm sao khỏi lọt vào đám gai chông cùng sa hầm hố. Cười... Nếu người nào muốn học hỏi thì Thầy rộng lòng giảng dạy còn kẻ nào không chịu học sau đừng đổ cho Phật giả vô ngôn.

Vậy trước khi chưa phân Trời Đất, Khí Hư Vô bao quát Càn Khôn, sáng soi đầy Vũ Trụ. Đó là một cái trung tâm điểm tức là Đạo, rồi Đạo ấy mới sanh ra Thái Cực. Hồng môn sơ khởi huyền huyền hạo hạo, khối lại thành ngôi Thái Cực, rất đậm ấm lừng chừng trong đó toàn là một khối đứng mấy muôn năm bùng nổ ra tiếng dường như thiên khuyh địa khúc thì đã có Thầy ngự trong ngôi Thái Cực. Rồi có một tầng Âm và một tầng Dương gát chông nhau hình chữ thập, lộ ra bốn cánh gọi là lưỡng nghi sanh Tứ Tượng. Chữ thập mới dần dần quay lộn chạy lần tròn như chong chóng lan tỏa ra muôn ngàn quả tinh cầu thế giới. Chữ thập ấy dưới có 4 cánh bông kê là tứ âm, tứ dương tách thành Bát Quái là Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Bát Quái mới biến hóa vô

cùng, phân định Ngũ Hành, Càn Khôn muôn vật.

Thái Cực sanh **Luồng Nghi** tức là **Tam Thiên Vị** (Ba ngôi Trời). Dưới ba ngôi ấy là **Tam Thập Tam Thiên** (ba mươi ba tầng Trời) cộng với 3 ngôi trên là 36 tầng nên gọi là **Tam Thập Lục Thiên**.

Trong mỗi tầng, **Thầy chiết Chơn Linh** có một vị **Đại La Thiên Đế** **Chuồng Quán**. **Chỗ Thầy** là **Bạch Ngọc Kinh**, là Kinh toàn ngọc trắng rộng cao vòi vọi, ngoài có **Huỳnh Kim Khuyết** là cửa ngõ bằng vàng cực kỳ mỹ lệ.

Dưới 36 tầng Trời còn có một tầng nữa kể là nhứt mạch đấng tinh vị gọi là cảnh **Niết Bàn**, chín tầng nữa gọi là **Cửu Thiên Khai Hóa** tức là 9 phương Trời, cộng với Niết Bàn là **Thập Phương Chư Phật**. Gọi 9 phương Trời, 10 phương Phật là do đó.

Cõi Niết Bàn là **chư Phật ngự**. **Phật Tổ** ngự nơi hướng Tây, **Quan Âm** ngự nơi hướng Nam. Mỗi tầng đều có sơn xuyên hà hải, tứ phương bát hướng, liên đài hăng hà sa số Phật.

Còn 2 chữ **Như Lai** là cảnh Phật chớ không phải là danh Phật, nên trong kinh có câu: “**Bổn giác vị như kim giác Như Lai**”.

Bồ Đề là nơi chỗ Phật ngự, **Phạm Môn** là cửa Phật, **Bỉ Ngạn** là đất Phật. **Huỳnh Kim** bố địa là vàng rỗng đầy đất. Còn chỗ **Nam Hải Ngạn Thượng** là **Quan Âm** ngự gần bờ biển nơi hướng Nam cảnh Phật chớ không phải hướng Nam nơi cảnh phàm.

Đó là còn ở thượng tầng không khí hay là chi khí. Rồi kể đó là **Đại Thiên Thế Giới** và **Thượng Phương Thế Giới** là chỗ **Đức Tây Vương** ngự nơi cung **Diêu Trì**. Gần đó có **Vườn Ngạn Uyển Bàn Đào**, **Ngũ nhạc Bồng Lai**

nhược thủy.

Các Đấng Thiêng Liêng nam nữ hằng hà sa số lâu đài cung điện toàn bằng ngọc ngà châu báu, hổ phách, san hô như Lục Thiên Ngân Cung, Tử Phủ Thanh Đô, Điện Đài Lãnh Phóng trong cảnh nhị châu chơn võ.

Nơi **Linh Tiêu Điện** là chỗ chư Tiên nhóm hội, có **Ngọc Vệ Kim Nương**, giao lê quả táo, toàn là Tiên được nhẹ nhàng cũng như kim đơn đế, hồ huỳnh tương, trường sanh chi tửu, là rượu trường sanh dùng đặng sống hoài không chết.

Kế đó là **Trung Phương Thế Giới** là nơi cung điện của Thần Tiên, Nhơn Tiên, Quỷ Tiên, các bậc Quân Tiên.

Rồi đến **Hạ Tàng Thế Giới**, **Tam Thiên Thế Giới**, 3000 quả tinh cầu, phân làm **Tứ Đại Bộ Châu**, rồi nối theo **Thất Thập Nhị Địa** tức là đệ nhứt Càn khôn cho đến địa cầu các con ở là địa cầu 68. Từ hồi có địa cầu này cho đến nay là 12 muôn 9.600 năm.

Dưới các con còn có 4 địa cầu nữa. Còn U Minh, kêu là U Minh Giới chưa có loài người.

Thế giới địa cầu khác nhau là do không khí nặng nhẹ khác nhau, tùy theo công quả của mỗi tinh cầu cách nhau từ 1 đến 10 muôn dặm, luôn luôn xoay tròn giáp một vòng là 360 ngày gọi là một năm. Nơi địa cầu cũng có sơn xuyên hà hải như Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Bắc Hải, Hắc Hải, chỗ trắng, chỗ đen, chỗ xanh, chỗ đỏ; bề sâu có chỗ tới 8.000m, chỗ 3.000m, chỗ 2.000m... không đều nhau. Còn núi Tu Di cao phỏng độ 8.000m, núi nhiều nên chỗ thấp chỗ cao không đồng, phong thủy, mùa tiết nóng nực không đồng; mùa nắng chỗ này, chỗ khác lại mưa; xứ nóng nực, xứ lạnh lùng, ngày đêm trong cực địa

24 giờ, còn ở Bắc Băng Dương 6 tháng trời tối, 6 tháng trời sáng, quanh năm nước đặc như giá; chỗ chua chỗ mặn, chỗ ngọt không đều.

Màu da của người nào là da trắng, da đen, da vàng, da đỏ. Người thì lớn cao đồ sộ, người thì lùn thấp nhỏ con. Dân số trên toàn cầu phỏng định khoảng 2.300 triệu, sanh sanh, tử tử không ngừng.

Loài飞鸟 thú còn trùng cũng đều khác lạ, như chim đại bàng rất lớn, lẩn lẩn nhỏ như chim sẻ, chim sâu. Loài cá như cá ông, cá mập cá xà rồi nhỏ dần bạc má, cá trắng. Loài thú như tượng voi, rồi tới những loài nhím, chuột bỏ tới loài cỏ cây, cầm thú suốt đời ta còn chưa biết hết lựa là đến việc cao siêu. Nếu ta không học hỏi các Đấng vô hình thì ta phải chịu tối tăm mù mịt mong vì đoạt thấu huyền vi mà siêu phàm như Thánh. Hễ học nhiều chừng nào ta sẽ thấy dốt nhiều chừng ấy.

KẾT LUẬN CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

Vậy chư Hiền Huynh, Hiền Tỷ phải gia tâm siu tầm cho đoạt bát. Nếu ý lại sự biết của mình gọi là đủ thì dạ thảo bích châu, đường muôn dặm xé chiều, không ráng bước ắc phải trễ.

Có một ngày kia Tệ Đệ hỏi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn rằng: Phàm hễ làm cha còn làm Thầy, chớ sao Đại Từ Phụ xưng là Thầy rất khó hiểu. Ngài trả lời như vậy: (Dịch Pháp Văn)

*Người cũng vẫn Cha, Thầy luôn một,
Cả Chơn Linh hài cốt tay người.
Nuôi mình dùng vật thanh tươi,
Tạo hồn lấy phép tạo đời Chí Linh.*

Nơi Người vốn văn minh cách trí,
Tấn hóa hồn phép quý không ngưng.
Vật hèn trước mắt thành trân,
Hồn hèn Người lại dành phần Phật Tiên.
Luật: Thương yêu, quyền là ngay chánh,
Gần thiện căn xa lánh phạm tâm.
Làm Cha nuôi nấng âm thầm,
Làm Thầy lại nhượng phẩm Thần ngôi Thiên.

12. TẢ QUÂN LÊ VĂN DUYỆT

Mộ Lê Văn Duyệt bị xiềng có 8 chữ:

“Quyền Yểm Lê Văn Duyệt Phục Pháp Xứ”: Nghĩa là nơi đây là chỗ quan hoạn lộng hành Lê Văn Duyệt chịu hành phạt theo pháp nước. (Trích nơi Quyển Gia Định Xưa và Nay của Huỳnh Minh trang 16)

Chúng ta tìm hiểu vì sao Tả Quân Lê Văn Duyệt phải tội gì mà bị án xiềng mã? Ông là một đại công thần nhà Nguyễn đánh Nam dẹp Bắc, thắng biết bao nhiêu trận mạc mới dựng được Nguyễn triều. Có thể nói người đầu công của Gia Long Hoàng Đế mà phải bị vua Tự Đức xiềng mã?

Vì Lê Văn Khôi là con nuôi làm loạn muốn khởi nghĩa chống lại triều đình. Sau khi bị bắt tại Gia Định, ông được giải về Cố Đô Huế để xử. Ngồi trong cái cũi, lưng mang một cái gông mà khí phách hùng anh vẫn hiên ngang đáng kính phục. Khi dân chúng bu lại xem mặt ông cho biết, ông ngâm bài thơ:

*Hai bên thiên hạ có ai không?
Một gánh can trường há phải gông.*

*Quần quai hai vai quân tử trước,
 Hiền gan một cỡi trượng phu tùng.
 Sống về đất Bắc gương còn rạng,
 Thác ở thành Nam tiếng vẫn trong.
 Thắng bại lẽ thường Trời định vậy,
 Nịnh thần đéo quả lũ cười ngông.*

Hiện giờ danh từ Mã Ngụy vẫn hãy còn tại trường đua Phú Thọ (Chợ Lớn). Giữa có một mã lớn, chung quanh là một hầm tập thể chôn lối 1 ngàn chiến sĩ theo ông bị trảm thủ.

Một thời gian sau, nhờ các trung thần dâng sớ trình bày nỗi khúc chiết của hoàn cảnh phản loạn là do Lê Văn Khôi hành động chớ Tả Quân đầu có dính líu mà phải bị liên can, nên vua bãi việc xiềng mã, lại còn nhớ công lao hạng mã của một bực trung thần đối với giang sang tổ quốc, Triều Đình trù tu Lãng Ông lại một cách diễm lệ.

Hằng năm đến ngày giỗ của Tả Quân Hội Quý Tế tổ chức cúng tế theo cổ lệ có nhạc lễ theo triều nghi, có rước hát bộ, hát thí cho quần chúng xem và bày nhiều cuộc vui làm giá trị của Ngài mỗi ngày thêm cao trọng.

Ngài linh hiển hằng giáng các án oan khúc ra ánh sáng công lý, như bẻ cổ gà thể... Ngài cũng có giáng cơ khuyến khích dân chúng đấu tranh chống quân xâm lược Pháp. Sự thành công của Quân Đội Cao Đài đêm 9-3-1945 cũng có phần ủng hộ về mặt Thiêng Liêng của Ngài một phần lớn.

- *(Chép Thánh Giáo của Ngài nơi quyển Lịch Sử Cao Đài của ông Trần Quang Vinh)*

13. ĐỨC HỘ PHÁP GIẢNG VỀ CƠ BÚT

(Trích Vi Bằng hội tại Hiệp Thiên Đài
ngày 28-9-Kỷ Sửu (18-11-1949))

Về vấn đề cơ bút đã cấm từ ban sơ, có Thánh Lệnh nghiêm ngặt. Nhưng về sự học hỏi của cơ bút không ai có quyền cấm.

Cơ bút của Hiệp Thiên Đài để điều đình nền chánh Giáo do Đức Chí Tôn và các Đấng đến dạy Đạo. Cơ bút cũng như trường học (Université) để các Đấng Thiêng Liêng đến Giáo hóa. Như đứa trẻ mới học thì cao kỳ với nó, hay là cho bài võ Tấn Sĩ, Cử Nhân được. Sự Giáo hóa có nhiều hạng cũng như nhà trường có nhiều lớp; lớp trẻ nhỏ không thể lấy bài của Tấn Sĩ mà dạy.

Trường học chia đẳng cấp ra nhiều, không thể ngang nhau được.

Trong Đạo dạy như sanh cũng tùy đẳng cấp mà giáo hóa nhưng ta chỉ biết cơ bút truyền giáo của Đức Chí Tôn tại đây mà thôi, còn ngoài ra không ai có quyền cấm cơ bút. Chúng ta thử sưu tầm các điều dạy bảo thì chúng ta thấy như chương trình trong trường giáo huấn kia chia ra nhiều hạng. **Chúng ta không có quyền cấm cơ bút, nhưng có cấm những bài võ nào Hội Thánh ban hành mà không phải là của Hiệp Thiên Đài.**

Nếu cấm triệt để cơ bút thì cũng như liệng cây bút của các Đấng hay là đốt sách của học trò. Ai cũng có quyền xem những bài cơ bút, nhưng hay dở tự mình suy nghĩ hiểu lấy. Như báo giới cũng có quyền nói dù hay dở mà kẻ đọc cũng có quyền trích điểm...

Cũng như đọc Thánh Giáo của Chi Phái, ta suy nghĩ

sưu tầm thì mới thấy sự Giáo hóa khác nhau, không đồng là do trình độ kẻ học.

14. VẤN ĐỀ NAM NỮ

(Trích trang 83, Vi Bằng Hội tại Hiệp
Thiên Đài, ngày 18-11-1949)

Đức Hộ Pháp nói về Nam Nữ thì chúng ta nhìn rằng, do mặt luật tạo đoan mới sản xuất ra tuồng nhưn luân. Từ thượng cổ đến giờ vấn đề nầy vẫn cũ mèm, nhưng mà xem lại dường như nó mới mẻ luân. Như trong truyện Phật có nói: Đức Phật không lập Nữ phái, sợ vì tình ái mà nền Tôn Giáo của Ngài không trường tồn được. Bởi vậy có một môn đồ là Nan Đà đến xin Phật lập Nữ phái, nhưng Phật nhứt quyết không lập gì hết. Có một phen Dưỡng Mẫu của Ngài sang chơi quả quyết xin lập Nữ phái. Bà nầy đi bộ từ nơi xa xăm đến nơi Phật ở, quần áo rách tả tơi, mình mẩy ghẻ chóc lở lói hết, chính ông Nan Đà khi nhìn ra Bà cũng không thể tưởng tượng được.

Từ ngày Phật ra thuyết Giáo dạy Đạo chưa hề có sự cảm động, mà gặp việc nầy Phật phải cảm động. Chính ông Nan Đà đối với Bà cũng quá thương tâm. Lúc đó Phật đang trì niệm nghe Nan Đà cho hay Bà đi bộ đến, tình cảnh như ăn mày, Phật lại hỏi: *“Mẹ ta đến, làm gì mà phải làm đến thế ấy?”*

Ông Nan Đà mới nói: *“Bà đến đây yêu cầu Phật lập Nữ Phái”*.

Phật ra xem, thấy mẹ đang nằm dưới đất, quần áo tả tơi. Phật hỏi: *“Mẹ đến đây có ý gì mà làm cho đến nỗi nầy?”*

Bà nói: “*Chỉ nhứt định đến yêu cầu Phật lập Nữ Phái*”.

Phật mới kêu Nan Đà mà nói: “*Theo lẽ nên Tôn Giáo của ta trường cửu đến 5.000 năm, nhưng tại người mà nó chỉ 2.500 năm*”.

Đó là chuyện nhà Phật.

Còn Thánh Giáo Gia Tô đời Grégoire từng theo luật Moise, cấm các Cha, các Dì không được có đôi bạn.

Hiện ở Vatican còn bất mãn vì cái lệ này, bởi luật thiên nhiên không thể cấm được.

Tấn tuồng Thánh Giáo Gia Tô cấm kị làm mất hết 7 phần trăm người làm Đạo. Cái gì cấm được thì cấm, không được thì thôi, vì luật thiên nhiên kia Chí Tôn cũng không biết làm sao.

Như nền Đạo ta, khi lập luật, bắt chước bên Thiên Lâm trường chay tuyệt dục. Khi đem bộ luật ra, Thượng Sanh đọc đến chữ “*Trường chay tuyệt dục*”, Đức Chí Tôn đưa cơ lên đọi hồi lâu, ước chừng có 5 phút. Bần Đạo ngồi phò loan để ý coi Đức Chí Tôn giải quyết ra sao. Thượng Sanh muốn đọc luôn tới nữa thì cây cơ day qua mé Thượng Sanh, dá dá hai ba cái, coi ngộ lắm, hồi lâu cơ gõ một cái rồi viết:

*Còn câu “**Bất hiếu hữu tam, vô bậ vi đại**” các con tin sao? Chẳng lẽ để các con vì Đạo mà tuyệt chủng?*

Rồi cơ đưa lên đường như đã giải quyết. Thượng Sanh vừa muốn đọc tiếp thì cơ lại viết như vậy:

*Sang, con thêm câu này vô “**Thoảng như không con nối hậu thì các con được quyền cưới hậu thiếp nhưng chính mình chánh thê đi nói mới được**”.*

Về việc Nam Nữ, Đức Lý buộc Nam Nữ hữu biệt,

Nam Đông Lang, Nữ Tây Lang thì cũng có duyên cớ, không lẽ Bản Đạo lại nói ra. Một điều là trước khi có lệnh ấy thì Nam Nữ rất bận rộn, vì vậy Đức Lý mới cấm. Thử hỏi nếu cấm hẳn từ đây phái nữ chịu thiệt thòi, dốt nát, học hỏi với ai. Một bằng cớ là nếu Thế (Đại Tá ...Thế) không lập trường Nữ Công thì có ai để xứng đâu? Học hỏi với mấy Bà thì không thể nào được. Hễ gần họ thì họ làm chẳng thành thử học không được. Phái nữ bị bỏ cù bơ cù bất không ai dạy. Ở với phái Nam còn dễ hơn ở với mấy Bà. Nhưng lối quở theo mình mang tiếng, còn bỏ thì không ai ngó ngàn.

Còn một nỗi nữa, những đứa nào giúp việc cho Bản Đạo thì bọn sãi mồm nó cũng làm thế nào cho vắng ra rồi chúng nó xót như điều xót gà, thử hỏi làm sao yên thân được?

Bây giờ không cho Nữ Phái giúp phòng trừ thì có ai nấu ăn. Nam phái nhỏ đi học, lớn hơn thì đi lính. Sắp nhỏ quả không thể dùng được mà chúng nó cũng không thể tội mọi ai.

Nếu lấy lẽ không cho phái nữ làm thì phải có người thế, nhưng tìm đâu ra. Đây không ai nấu cơm ăn rồi đi về nhà hết, ai đại gì ở đây.

Bây giờ giải quyết như vậy: Cấm nhật Nữ phái ở dinh thự ban đêm, ban ngày làm việc đúng giờ thì về, do quyền chỉ huy của mấy Bà.

Còn muốn thi hành triệt để thì từ Giáo Hữu, Truyền Trạng, Chí Thiện đở lên phải thường nhứt ở lại đây (tại Tòa Thánh).

Quyết Nghị:

- a. Phái Nữ được giúp việc Nam Phái kể từ 6 giờ sáng

đến 6 giờ chiều cho đến ngày Hội Thánh có đủ phương bảo vệ toàn thể Chức Sắc Thiên Phong.

- b. Nơi nào đã có các cơ quan chánh trị Đạo hành quyền thì cũng phải thực hành triệt để như Quyết Nghị trên mà Hội Thánh đã định.
-

15. LỄ BỐC MỘ CỦA NGÀI HIẾN PHÁP

Ngày 12-8-Giáp Tý (1984), chánh quyền ra lệnh giải tỏa khu đất 12 vị Thời Quân ở Ao Hồ nên mộ Ngài Hiến Pháp được dời về Nội Ô, trước Đài Phát Thanh đường Phạm Hộ Pháp.

Cuộc lễ đơn sơ, có hai tàn một lộng, hai Lễ Sinh mặc áo xanh hầu, có nhạc rập ban để lạy. Hiện diện:

- Hội Đồng Quản Lý (Thái Hiếu, C. Trạng Khuyên, Hương Mây, Bà Khéo, G.H Hương, Thái Bạc, T.T Dũng...
- Hiệp Thiên Đài có: C.T. Tất -Trần, vài vị Sĩ Tải và Luật Sự.
- Phước Thiện có: CN. Chưỡng-Chí
- Cửu Trùng Đài: Phối Sư Ngọc Đại, Hương Tranh...
- Đạo Hữu: lối 200 người.

Không một người nào đứng ra tuyên bố ý nghĩa cuộc lễ vì sợ chánh quyền, nên rất tẻ lạnh. Trên trời vẫn vũ mây buồn dường chia sót sự đau khổ của con cái của Ngài trong cơn khảo thí. Có vài vị nữ đã khóc...

Quang Minh có cảm tưởng:

*Tưởng rằng nằm xuống đặng thông dong,
Hay nổi không an nắm mộ phần.
Lưu xú xưa thương thân lụm cụm,*

*Dạt đời nay cảm mảnh xương tàn.
Côn Lôn chẳng lẽ thua quyền Triệt?
Động Bích bao đành lãng phép Thần?
Ngự Mã quyền cao cầu chuyển Pháp,
Cứu đời, diu thế thoát mê tân.*

16. LỜI TIÊN TRI CỦA ĐỨC HỘ PHÁP VỀ CÁI CHẾT CỦA NGÔ ĐÌNH DIỆM

Sau cái chết của Tướng Trình Minh Thế, Đức Hộ Pháp xuất bôn lên Nam Vang để tỵ nạn chánh trị. Một trong các cộng sự viên của Ngài hỏi: “*Bạch Thầy, chừng nào thế lực của Ngô Đình Diệm cáo chung?*”.

Ngài cười trả lời: “*Coi nó mạnh như vậy mà ngày cuối cùng của nó, anh em chúng nó chẳng toàn thân đâu con*”.

Nói vậy thì hay vậy, rồi ngày tháng trôi qua, từ năm 1956 đến 1959, Đức Hộ Pháp đăng Tiên, chế độ nhà Ngô vẫn trường tồn. Mãi đến ngày 1-11-1963 mới bị lật đổ.

Lật lại chồng báo cũ, chúng tôi tìm đặng nhật báo Sống Mới đề ngày 01-11-1964 (27 tháng 9 Giáp Thìn) do ông Trương Xuân Phong làm Chủ Nhiệm đề tựa:

“*Đây! Những hình ảnh lịch sử của dân tộc Việt Nam, Cách Mạng ngày 1-11-1963*”.

Bên dưới có hình, từ trái qua mặt:

1. Những chiếc thiết giáp xa xung phong bị lực lượng Diệm Nhu bắn cháy, dầu vậy cả hai nhà độc tài cũng ngã gục theo chế độ bạo tàn.
2. Thi hài của Ngô Đình Nhu.
3. Thi hài của Ngô Đình Diệm nằm trong thiết giáp.

Chúng ta nhìn kỹ mặt của anh em Diệm Nhu đều

bị đâm nát.

Như thế, có ai còn ngờ vực rằng những lời tiên tri của Đức Hộ Pháp là vu vơ nữa chẳng?

Thậm chí đến Ngô Đình Cẩn cũng bị đem ra Tòa xử tử hình. Khi dẫn đến máy chém, 2 chơn ông Cẩn bị tê liệt phải cõng đến pháp trường mà thọ nạn. Vậy mà không có một cá nhân nào, một đoàn thể nào, một tôn Giáo nào đứng ra xin ân giảm cho ông ta.

Như vậy lời tiên tri “*Anh em chúng nó chẳng toàn thân*” của Đức Hộ Pháp nó đã xảy ra đúng như dự đoán.

Nên chúng tôi xin trình bày bằng có nầy để quý đồng Đạo và đồng bào suy ngẫm những lời tiên tri của Đức Hộ Pháp trên các công văn khác; nó sẽ hữu hiệu và ứng chứng như vậy, chẳng hề sai lạc.

Xin xem tiếp Quyển VIII
QUANG MINH

GÓP NHẬT CHUYỆN ĐẠO Q7

Biên Soạn: **QUANG MINH**